TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:184/2025/DS-PT
Ngày: 27/8/2025
V/v: Tranh chấp Thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Phong Lan và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vi Thị Yến - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2025/TLPT-DS ngày 06/6/2025 về việc "Tranh chấp về nợ hụi", do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 308/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn 6, xã N, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Hoài V, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B1, sinh năm 1968 (có mặt)

Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn 6, xã N, tỉnh Lâm Đồng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Tây T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thi: Bà Trương Thị B, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn 6, xã N, tỉnh Lâm Đồng). (*theo Giấy ủy quyền ngày 21/3/2025*).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày:* Tại giấy xác nhận nợ lập ngày 21/2/2016 đã xác định bà Trần Thị B1 còn thiếu nợ của bà với số tiền là 55.000.000đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ thì bà B1 cam kết mỗi tháng trả cho bà 5.000.000đồng bắt đầu từ ngày 21/3/2016 đến ngày 21/01/2017 thì sẽ trả hết nhưng cho đến nay thì bà B1 không trả cho bà được khoản tiền nào. Nay bà Yêu cầu bà Trần Thị B1 phải trả cho vợ chồng bà số nợ gốc là 55.000.000đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 22/01/2017 âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Bị đơn bà Trần Thị B1 trình bày:* Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B về việc phải trả số tiền nợ 55.000.000 đồng và tiền lãi. Bà thừa nhận trước đây đã lâu có tham gia huê hụi, vay tiền góp của bà B nhưng chỉ bà B1 tham gia, chồng bà là ông Nguyễn Phước L không biết, không tham gia bàn bạc nên không liên quan đến nợ. Đối với giấy viết tay ngày 21/02/2016 thì bà thừa nhận có lập giấy này và chữ ký trong giấy là của bà đồng thời bà cũng xác định năm 2016 có nợ bà B số tiền 55.000.000 đồng nhưng sau đó đã trả góp hàng tháng bằng tiền mặt trực tiếp cho bà B mỗi tháng 5.000.000đồng nên đã trả đủ số tiền 55.000.000 đồng, hiện nay thì không còn nợ số tiền theo giấy này nữa; mục đích viết giấy này để ghi nhận nghĩa vụ trả nợ và bà đã thanh toán đủ số nợ này cho bà B nhưng khi trả hết nợ thì chỉ nói với nhau về việc tất toán hết nợ chứ không gạch bỏ hoặc thu hồi giấy nợ này. Nay bà B xuất trình giấy này khởi kiện thì bà không chấp nhận.

Ông Nguyễn Phước L trình bày: Khi bà B1 thỏa thuận và viết giấy nợ với bà B thì ông không biết và ông cũng không liên quan gì đến số nợ 55.000.000đồng mà bà B yêu cầu nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho bà B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Tây T trình bày: Ông thống nhất theo yêu cầu của bà Trương Thị B, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị B1 phải thanh toán nợ cho vợ chồng ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng) đã quyết định:

Căn cứ

- Điều 5; Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 72, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 184, 227, 228, 238, 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, 471, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 22, 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B:

- Buộc bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng bà Trương Thị B và ông Lê Tây T số tiền 99.672.000 đồng *(chín mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng)*.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B về việc yêu cầu ông Nguyễn Phước L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/4/2025, bà Trần Thị B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 21/02/2016 thì không xác định được cụ thể số tiền nợ là của dây hụi nào hay là số tiền vay mượn, hơn nữa tại giấy xác nhận nợ cũng đã xác định nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Tranh chấp về nợ hụi" và áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường là chưa phù hợp mà đây là "Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; quá trình xét

xử phúc thẩm thì nguyên đơn đã rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất, việc rút yêu cầu đối với lãi suất của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên cần tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu này. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Tây T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước L đề nghị không tham gia tố tụng vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn hạn cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trần Thị B1 vắng mặt, ngày 16/4/2025 bà B1 mới nhận được bản án và đến ngày 25/4/2025 bà làm đơn kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về mối quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tòa án sơ thẩm thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết sơ thẩm thì các đương sự cho rằng thực chất đây là tiền nợ hụi nên cấp sơ thẩm xác định tranh chấp nợ hụi, tuy nhiên do không có căn cứ xác định được số tiền nợ là của dây hụi nào, hơn nữa bị đơn còn xác nhận ngoài việc chơi hụi thì bị đơn cũng nhiều lần vay, mượn tiền của nguyên đơn. Đến ngày 21/02/2016 thì các bên đã chốt nợ. Vì vậy cần xác định mối quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo quy định tại Điều 274, Điều 280 của Bộ luật dân sự.

[2] Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thanh toán thực chất là số tiền chơi hụi của dây hụi 12 người, mỗi chân hụi là 5.000.000đồng và bà là người hốt đầu tiên nên phải đóng hụi chết của 11 tháng. Sau khi viết giấy xác nhận nợ thì bà đã đóng đầy đủ tuy nhiên khi đóng hụi thì đưa trực tiếp mà không có giấy tờ gì, do đã đóng hết nên sau đó thì bà còn chơi nhiều dây hụi khác do bà B làm chủ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Theo Giấy nhận nợ ngày 21/02/2016 thì bà Trần Thị B1 đã ký xác nhận nợ của bà Trương Thị B số tiền là 55.000.000đồng, thời hạn trả nợ là 11 tháng, mỗi tháng là 5.000.000đồng điều này cũng đã được bà Trần Thị B1 thừa nhận. Tuy nhiên bà Trần Thị B1 cho rằng mặc dù hai bên ký xác nhận nợ nhưng thực chất là tiền hụi và bà đã thanh toán đủ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị B1 không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là mình đã thanh toán nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên là phù hợp. Quá trình xét xử phúc thẩm, bà B1 cũng không có tài liệu, chứng cứ gì mới nên yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị B1 là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên thì đến ngày 21/01/2017 âm lịch (ngày 18/02/2017 dương lịch), bà Trần Thị B1 phải thực hiện nghĩa vụ trả xong số tiền 55.000.000đồng cho bà Trương Thị B, nhưng khi đến hạn thì bà B1 vẫn không trả nên cấp sơ thẩm đã buộc bà Trần Thị B1 phải thanh toán lãi chậm trả cho bà Trương Thị B là có cơ sở. Quá trình xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất. Việc rút toàn bộ yêu cầu về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy một phần bản án sơ thẩm về lãi suất và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trần Thị B1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng).

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B:

- Buộc bà Trần Thị B1 có nghĩa vụ phải trả cho vợ chồng bà Trương Thị B và ông Lê Tây T 55.000.000 đồng *(Năm mươi lăm triệu đồng)* tiền nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 14/2025/DS-ST ngày 01/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng) và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B về việc yêu cầu về lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B1 phải chịu 2.750.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Trương Thị B số tiền 1.375.000 đồng *(một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006480 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị B1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001735 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Lâm Đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2025)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Khu vực 16;
- Phòng THADS khu vực 16;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Anh Dũng